

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 5547/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/12/2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Dương Hoàng Chinh
- Bà Đỗ Thị Thu Hiền

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 641/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9176/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 9579/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Trà G, sinh năm 1983

Căn cước công dân số: A cấp ngày 21/12/2021

Địa chỉ: số nhà D Đường I, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Hà Anh T, sinh năm 1975

Căn cước công dân số: B cấp ngày 20/01/2022

Địa chỉ: số nhà D Đường I, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2024 và lời trình bày của bà Trần Thị Trà G:

Bà và ông Hà Anh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào ngày 12/12/2005.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do tính cách, suy nghĩ và cách nuôi dạy con không phù hợp. Năm 2018 cuộc sống chung trở nên căng thẳng do bà phát hiện ông T thiếu chung thủy, từ đó bà không còn tin tưởng và tôn trọng ông T. Đến nay vợ chồng đã ly thân 5 năm và bà không còn tình cảm yêu thương ông T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Hà Anh T.

Con chung: Có một con chung Hà Gia H, sinh ngày 19/10/2006, đã trưởng thành.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hà Anh T trình bày:

Theo ông cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến nhưng không lớn. Năm 2021 do bà G thiếu quan tâm đến ông nên ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ đó bà G không còn tôn trọng, chia sẻ với ông và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Ông thừa nhận ông đã sai lầm làm cho bà G mất niềm tin nhưng ông vẫn còn tình cảm yêu thương bà G nên chủ động chấm dứt các mối quan hệ không rõ ràng. Vì vậy ông không đồng ý ly hôn, mong bà G tạo điều kiện để vợ chồng có cơ hội tha thứ, thông cảm cho nhau, trở về xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Đúng như bà G trình bày, con đã trưởng thành.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Trà G giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Ông Hà Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Trần Thị Trà G được ly hôn ông Hà Anh T. Con chung đã trưởng thành và tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 26/11/2024 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét, bà Trần Thị Trà G và ông Hà Anh T có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 12/12/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông T là hợp pháp.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà G và ông T đã phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài do vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau. Đến nay vợ chồng không còn gần gũi, chăm sóc lẫn nhau, bà G xác định không còn tình cảm yêu thương ông T nên không còn khả năng xây dựng hạnh phúc gia đình. Ông T mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng không xây dựng được niềm tin đối với bà G. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà G là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của bà G và ông T phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 543 ngày 16/11/2006 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp, đủ căn cứ xác định bà G và ông T có một con chung Hà Gia H, sinh ngày 19/10/2006, đã trưởng thành.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Bà G, ông T xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà G phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Trà G;

Bà Trần Thị Trà G được ly hôn ông Hà Anh T.

2. Con chung: Đã trưởng thành.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Trần Thị Trà G phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025757 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

5. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND TP . Thủ Đức;
- CCTHADS TP . Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND xã X...;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lữ